

Bản án số: 34/2022/HSST
Ngày 07/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Thu
2. Ông Phạm Văn Sỹ

- *T1 ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Hạnh, T1 ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đăng Chuẩn, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2022/TLST-HS ngày 08/6/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HS ngày 24/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn D sinh năm 1999; tại xã N, thị trấn N, tỉnh Ninh Bình; hộ khẩu T1 ở thôn Đ, xã N, thị trấn N, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay thôn Đ, xã N, thị trấn N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị T; vợ con chưa có; tiền sự không; tiền án không; lịch sử bản thân năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/02/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

2. Điền Văn L sinh năm 1998; tại xã N, thị trấn N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn Đông Hạ, xã N, thị trấn N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Điền Văn K và bà Nguyễn Thị P; vợ con chưa có; tiền sự không; tiền án không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Trần Anh T sinh năm 1992; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Quách Thị Thúy N và có 02 con; tiền sự không; tiền án không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bị hại: Anh Phạm Quang T1 sinh năm 1982; địa chỉ thôn 20, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Vũ Đức N sinh năm 1987; địa chỉ phố B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; có mặt.
- Anh Hoàng Mạnh H sinh năm 1984, địa chỉ xã K, huyện Y; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

D và L có quen biết với anh T1. Năm 2018 D cho anh T1 vay 20.000.000 đồng, D đã nhiều lần hỏi nhưng anh T1 chưa trả. Khoảng 13 giờ ngày 13/01/2022, D rủ L buổi tối xuống xã Khánh Trung chơi, L đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày D và L xuống nh T ở xã Khánh Hòa, D rủ T xuống thôn 20, xã Khánh Trung tìm anh T1 đòi nợ số tiền 20.000.000 đồng D cho anh T1 vay, T đồng ý. T đến nh anh Nam mượn xe ô tô Ford Ranger (xe không có biển kiểm soát) chở D và T xuống thôn 20, xã Khánh Trung. Đến nơi D và L xuống xe đi bộ tìm anh T1, còn T điều khiển xe ô tô đến cây xăng Duy Hiệu đổ xăng. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày D và L đi qua Phòng khám Nha khoa 145 thấy anh T1 đang ở trong Phòng khám. Anh T1 nhìn thấy D định bỏ chạy thì D chửi và hỏi anh T1 bao giờ trả nợ, anh T1 nói một vài hôm nữa trả, D và L cùng Tm cổ áo, khống chế anh T1 kéo ra ngoài; lúc này D thấy trên bàn của Phòng khám có một con dao gọt hoa quả, D dùng tay phải nhặt con dao dơ về phía anh T1 đe dọa. D và L tiếp tục khống chế kéo anh T1 ra ngoài, trong lúc kéo D dùng tay tát, đâm vào vùng đầu, mặt anh T1. Khi D và L kéo anh T1 ra gần chỗ xe ô tô thì T đi đến Tm cổ áo anh T1, lúc này D đưa dao cho L cầm rồi tiếp tục đâm, tát anh T1; T một tay Tm cổ áo anh T1 một tay mở cửa sau của xe ô tô, còn D đẩy, ép anh T1 lên xe ô tô và bảo L đi sang Hng ghé sau ngòai để ép anh T1 ngòai giữa, khống chế không cho anh T1 rời khỏi xe. Sau đó T điều khiển xe ô tô đi, trên đường đi D nảy sinh ý định yêu cầu anh T1 viết giấy nợ, nên bảo T điều khiển xe về nh, T hiểu ý và điều khiển xe ô tô về nh T ở thôn Chợ Dầu, xã Khánh Hòa. Sau đó D và T đưa anh T1 vào phòng khách nh T, tại đây D yêu cầu anh T1 viết giấy vay nợ số tiền 20.000.000 đồng, anh T1 lúc này đã bình tĩnh, không còn lo sợ nữa, anh T1 xác định có nợ D số tiền 20.000.000 đồng nhưng chưa có để trả, nên anh T1 đồng ý viết, D bảo T lấy giấy cho anh T1 viết, do hết giấy trắng nên T lấy giấy mượn tiền của T có đánh sẵn tên người cho mượn tiền là Trần Anh T còn chỗ người mượn và số tiền để trống, anh T1 đọc tên, tuổi địa chỉ, số điện thoại và số tiền vay là 20.000.000 đồng cho T viết, sau khi T viết xong, anh T1 tự ký xác nhận vào phần người mượn tiền. Đến khoảng hơn 21 giờ cùng ngày D và L đi về, còn T chở anh T1 xuống khu công nghiệp Khánh Phú để anh T1 tự đi về.

Sau khi về nh anh T1 đã đến Công an xã Khánh Trung tố giác Hnh vi của D, L và T. Công an huyện Y sau khi tiếp nhận tin báo đã triệu tập D, L và T lên làm việc. Tại cơ quan điều tra D, L và T thừa nhận Hnh vi bắt giữ anh T1; Cơ quan điều tra đã thu giữ của T 01 giấy vay nợ đề ngày 13/01/2022, 01 ô tô Ford Ranger, đối với con dao D lấy ở Phòng khám trên đường về D đã vắt đi nên không thu giữ được.

Cáo trạng số 33/CT-VKSYK ngày 06/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Y truy tố các bị cáo D, L, T về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo D, L, T phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo D từ 07 tháng đến 08 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo L và T mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng.

- Các bị cáo D, L và T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo D, L và T thừa nhận Hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo D, L và T đều đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về Hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan; phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ về thời gian, Hành vi của các bị cáo, vật chứng đã thu giữ; nên có đủ cơ sở khẳng định:

Do anh T1 có vay của D 20.000.000 đồng, D đã đòi nhiều lần nhưng anh T1 chưa trả, nên D đã rủ L và T xuống Khánh Trung đòi tiền anh T1 vay của D. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 13/01/2022 tại Phòng khám Nha khoa 145 ở thôn 20, xã Khánh Trung. D, L và T có Hành vi khống chế, ép, bắt đưa anh T1 lên xe ô tô giữ không cho anh T1 đi đâu, rồi điều khiển xe ô tô chở anh T1 đưa về nh T ở xã Khánh Hòa, khống chế bắt, giữ anh T1 đến khoảng hơn 21 giờ cùng ngày, D, L và T thả anh T1 về.

Hành vi của các bị cáo D, L và T nêu trên là trái pháp luật, đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của anh T1. Hành vi của các bị cáo D, L và T đã phạm vào tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo D, L và T về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo D giữ vai trò thứ nhất trong vụ án vì D là người khởi xướng và rủ các bị cáo L, T thực hiện Hành vi phạm tội; các bị cáo L và T đều là đồng phạm tham gia với vai trò giúp sức, nên giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tăng nặng: Các bị cáo D, L, T đều không có tình tiết tăng nặng.
- Về tình giảm nhẹ: Bị cáo D “Tự nguyện bồi Tlờng thiệt hại; Hành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo L và T “Tự nguyện bồi Tlờng thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tHành khẩn khai báo ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng:

Căn cứ vào tính chất, mức độ Hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

Bị cáo D có 03 tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo L và T đều có 04 tình tiết giảm nhẹ; nên Hội đồng xét xử có giảm nhẹ một phần về hình phạt cho các bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng.

Xét các bị cáo L và T đều có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng; tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo D; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nên không cần phải bắt các bị cáo chấp Hành hình phạt tù, các bị cáo đều có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo L và T được hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh T1 đã được các bị cáo D, T và L bồi Tlờng với tổng số tiền là 3.000.000 đồng; tại phiên tòa anh T1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi Tlờng gì thêm, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Vật chứng đã thu giữ là 01 xe ô tô Ford Ranger. Xe ô tô là tài sản của anh Nam, anh Nam không biết bị cáo T mượn xe ô tô rồi sử dụng vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô cho anh Nam.

[8] Về án phí: Các bị cáo D, L và T đều bị kết án, nên các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn D, Điền Văn L, Trần Anh T phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Đinh Văn D 07 (bảy) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/02/2022.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: - Điền Văn L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 07/7/2022.

- Trần Anh T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 07/7/2022.

Giao bị cáo Điền Văn L cho UBND xã N, tHnh phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; giao bị cáo Trần Anh T cho UBND xã Khánh Hòa, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp bị cáo L, bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hnh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo L, bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tlòng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đinh Văn D, Điền Văn L, Trần Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người liên quan là anh Nam có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người liên quan là anh anh H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người phải thi Hnh án dân sự có quyền tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực